

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 06/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trương Xuân Mậu và bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19 ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/HSST-QĐ ngày 11/4/2024, đối với bị cáo:

Phan Ngọc T; sinh ngày 24/02/1988 tại xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TP, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Ngọc V, sinh năm 1959; con bà Võ Thị M, sinh năm 1961; anh chị em ruột có 03 người, T là con thứ hai trong gia đình; vợ Đỗ Thị Thảo V1, sinh năm 1989; có 02 người con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Văn Ng - Luật sư - thuộc Văn phòng luật sư CB – Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có đơn.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị vẫn xét xử dù luật sư vắng mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Mạnh H; sinh ngày 15/8/1993. Địa chỉ: Số 28 QT, phường ĐH, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Anh Lê Chí A; sinh ngày 04/7/1980. Địa chỉ: Số 41 Đoàn Thị Đ1, Quận Đ2, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin vắng.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Võ Ngọc S, sinh ngày 10/8/1989. Địa chỉ: Thôn G, xã ĐN, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có đơn xin vắng.

2. Anh Trương Quang Tr, sinh ngày 07/5/1989. Địa chỉ: Thôn MH, xã MT, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Lê Hoàng M1, sinh ngày 10/7/1978. Địa chỉ: TDP 1, phường ĐP, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Nguyễn Minh Đ3, sinh ngày 21/3/1985. Địa chỉ: TDP 11, phường NL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Nguyễn Quang N, sinh ngày 04/9/1985. Địa chỉ: Thôn TB, xã NT, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2021, Phan Ngọc T có thỏa thuận mua bán với anh Nguyễn Quang N (con trai của ông Nguyễn Quang N1, bà Đinh Thị S1), sinh năm 1985, trú tại Thôn TB, xã NT, huyện L, tỉnh Quảng Bình 02 thửa đất, gồm: thửa đất số 77 (diện tích 997,9m²) và thửa đất số 93 (diện tích 552,6m²), tờ bản đồ số 02 là đất trồng cây hàng năm khác tại Thôn TB, xã NT, huyện L, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Nguyễn Quang N1, bà Đinh Thị S1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 224580 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/01/2021 với giá 1.600.000.000 đồng và Phan Ngọc T đã đặt cọc với số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi đặt cọc tiền mua đất, Phan Ngọc T đưa ra thông tin muốn bán 02 thửa đất nêu trên, thông qua giới thiệu của Trương Quang Tr và Võ Ngọc S, anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1993, thường trú tại thị trấn K, huyện MY, tỉnh Gia Lai (hiện trú tại số 28 đường QT, phường ĐH, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình) cùng với anh Lê Chí A, sinh năm 1980, trú tại số 41 đường Đoàn Thị Đ1, phường QTG, quận Đ2, thành phố Hà Nội muốn mua 02 thửa đất nêu trên. Ngày 13/3/2021, Nguyễn Mạnh H, Võ Ngọc S và Trương Quang Tr gặp Phan Ngọc T để thỏa thuận việc mua bán, T đồng ý bán cho anh H với giá 4.500.000.000 đồng và cam kết sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất thổ cư trong thời gian từ 06 tháng đến 01 năm. Anh H đồng ý và chuyển 300.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản của T (tài khoản số 0311000591777 ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Ngọc T). Ngày 03/4/2021, ngày 29/4/2021 và ngày 04/5/2021, anh H tiếp tục chuyển tổng cộng 1.400.000.000 đồng tiền cọc vào tài khoản của Phan Ngọc T. Tổng số tiền cọc mà anh Nguyễn Mạnh H đã chuyển cho Phan Ngọc T là 1.700.000.000 đồng.

Do không làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên nên ngày 25/01/2022, anh Nguyễn Quang N đã trả lại số tiền cọc 450.000.000 đồng và phạt 70.000.000 đồng vi phạm hợp đồng cho Phan Ngọc T.

Thấy đã quá thời hạn thỏa thuận, Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A gặp Phan Ngọc T để thúc giục T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo thỏa thuận. Ngày

11/4/2022, Phan Ngọc T đã viết bản cam kết đã nhận số tiền cọc 1.700.000.000 đồng của Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A đồng thời cam kết đến ngày 11/6/2022 sẽ chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên. Sau đó, Phan Ngọc T không thực hiện cam kết và không trả lại tiền cho Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A mà bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 08/8/2023 bị Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài bắt theo Quyết định truy nã số 01/QĐTN- CSĐT(PC02) ngày 05/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình khi đang làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam.

Vật chứng: Qua quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tạm giữ một số giấy tờ sau:

- 01 (một) tờ giấy loại kẻ ô ly nội dung bản cam kết do Phan Ngọc T viết ngày 11/4/2022;

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 224580 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/01/2021;

- 01 (một) bản sao kê tài khoản ngân hàng số 105889739999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (do Nguyễn Mạnh H giao nộp);

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A yêu cầu Phan Ngọc T bồi thường với số tiền 1.700.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 215/CT-VKS-P3 ngày 27 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Phan Ngọc T ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã phát biểu lời luận tội, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố: bị cáo Phan Ngọc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và áp dụng khoản 4 Điều 175 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 13 năm đến 14 năm tù. Buộc bị cáo bồi thường cho hai bị hại số tiền còn lại 1.690.000.000 đồng.

* Tại bản luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật do bị cáo có tác động gia đình bồi thường 10.000.000 đồng; thời gian lũ lụt, dịch bệnh covid bị cáo đã hỗ trợ người dân có xác nhận của chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng. Lời khai tại phiên tòa, phù hợp với các lời khai trước đây của bị cáo, bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2021 đến ngày 04/5/2021, Phan Ngọc T bằng hình thức hợp đồng nhận tiền đặt cọc để chuyển nhượng đất rồi dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn để chiếm đoạt của anh Nguyễn Mạnh H và anh Lê Chí A số tiền 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm triệu đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo Phan Ngọc T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với bị cáo Phan Ngọc T tuy là người chưa có tiền án, tiền sự, nhưng thực hiện hành vi thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, sau đó bỏ trốn và bị bắt do bị truy nã, thể hiện sự liều lĩnh táo bạo trong ý thức của bị cáo. Do đó cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; ngoài ra đã tích cực trong phòng chống covid, khắc phục hỗ trợ lũ lụt thiên tai trên địa bàn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng. Hiện bị cáo đang bị tạm giam nên tiếp tục tạm giam theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng:

- 01 (một) tờ giấy loại kẻ ô ly nội dung bản cam kết do Phan Ngọc T viết ngày 11/4/2022;

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 224580 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/01/2021;

- 01 (một) bản sao kê tài khoản ngân hàng số 105889739999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (do Nguyễn Mạnh H giao nộp);

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Ngọc T phải bồi thường cho các bị hại là Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A số tiền 1.700.000.000 đồng. Nhưng gia đình bị

cáo đã nộp 10.000.000 đồng hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0004789 ngày 26/4/2024. Số tiền còn lại phải thi hành là 1.690.000.000 đồng.

Theo lời khai của Nguyễn Mạnh H tại phiên tòa thì anh H góp 30% còn Chí A góp 70% số tiền trên nên buộc bị cáo trả cho các bị hại theo phần là:

- Trả cho Nguyễn Mạnh H 30% của 1.700.000.000 đồng = 510.000.000 đồng. Nhưng đã có tại Thi hành án số tiền 3.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 30%). Nên bị cáo còn phải trả số tiền 507.000.000 đồng.

- Trả cho Lê Chí A 70% của 1.700.000.000 đồng = 1.190.000.000 đồng. Nhưng đã có tại Thi hành án số tiền 7.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 70%). Nên bị cáo còn phải trả số tiền 1.183.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Ngọc T 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 8/8/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phan Ngọc T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Mạnh H và Lê Chí A là: 1.700.000.000 đồng. Nhưng gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0004789 ngày 26/4/2024. Số tiền còn lại phải thi hành là 1.690.000.000 đồng. Cụ thể theo phần:

3.1. Trả cho Nguyễn Mạnh H 30% của 1.700.000.000 đồng = 510.000.000 đồng. Nhưng đã có tại Thi hành án số tiền 3.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 30%). Nên bị cáo còn phải trả số tiền 507.000.000 đồng cho Nguyễn Mạnh H.

3.2. Trả cho Lê Chí A 70% của 1.700.000.000 đồng = 1.190.000.000 đồng. Nhưng đã có tại Thi hành án số tiền 7.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 70%). Nên bị cáo còn phải trả số tiền 1.183.000.000 đồng cho Lê Chí A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 62.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; nếu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- Theo Khoản 1 Điều 262 BLTTHS.
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1 TAND TC (khi bản án sơ thẩm có HL);
- Phòng HSNV Công an tỉnh QB (PV06).
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân

